

DANH SÁCH THÍ SINH TẠI PHÒNG THI

Môn thi: **Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)**

Hình thức thi: **Trắc nghiệm**

Ngày thi: **25/11/2023**

Phòng thi số: **04 (B.308)**

Địa điểm thi: **Trụ sở - ĐH TNMT TPHCM**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	232097	Ngô Duy	Thi	Nam	12/12/1991			
2	232098	Lê Văn	Thịnh	Nam	1/1/1990			
3	232099	Nguyễn Minh	Thông	Nam	21/5/1997			
4	232100	Nguyễn Phan Hòa	Thuận	Nữ	14/12/2000			
5	232101	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	25/7/1996			
6	232102	Phan Nguyễn Hoài	Thương	Nam	24/10/1995			
7	232103	Đoàn Thị	Thường	Nữ	15/8/2000			
8	232104	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	8/3/1993			
9	232105	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	12/1/1994			
10	232106	Trần Huỳnh Thanh	Thụy	Nữ	30/10/2001			
11	232107	Lê Hoàng Cát	Tiên	Nữ	4/8/1999			
12	232108	Huỳnh Trần Thủy	Tiên	Nữ	29/7/1998			
13	232109	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	25/3/1999			
14	232110	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	20/6/1990			
15	232111	Nguyễn Phạm Văn	Tiến	Nam	20/10/2001			
16	232112	Lê Trung	Tín	Nam	2/11/1997			
17	232113	Châu Phương	Toàn	Nam	5/10/2001			
18	232114	Phạm Thanh	Toàn	Nam	6/9/2001			
19	232115	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	17/8/1994			
20	232116	Nguyễn Thụy Huyền	Trân	Nữ	26/10/1989			
21	232117	Huỳnh Ngọc Phương	Trang	Nữ	13/4/1993			
22	232118	Tô Lê Yến	Trang	Nữ	26/2/2000			
23	232119	Hà Minh	Triết	Nam	23/9/1997			
24	232120	Nguyễn Thanh	Trúc	Nam	8/10/1994			
25	232121	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	17/12/1997			
26	232122	Hồ Trung	Trực	Nam	23/2/2000			
27	232123	Nguyễn Kiên	Trung	Nam	13/11/1984			
28	232124	Nguyễn Tiến	Trung	Nam	22/4/2001			
29	232125	Hồ Minh	Trung	Nam	15/11/1989			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
30	232126	Nguyễn Từ Minh	Trung	Nam	2/12/1999			
31	232127	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	1/1/1983			
32	232128	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	Nam	16/12/1996			

Số thí sinh dự thi:
Số thí sinh vắng thi:

Tổng số bài thi:
Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất Cán bộ coi thi thứ hai

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
SAU ĐẠI HỌC

.....

